

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Kim T**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh B (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thế D**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai chị Đỗ Thị Kim T trình bày:

Chị T và anh D qua mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau này thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 15/12/2013, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thế D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh D không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh D về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim T, cụ thể: Chị Đỗ Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thế D. Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 15/12/2013, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim T đối với anh Nguyễn Thế D thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Thế D có nơi cư trú tại xã M, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Đỗ Thị Kim T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Thế D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Nguyễn Thế D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và anh D không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị T và anh D và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 15/12/2013. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Thảo V có nguyện vọng được sống cùng chị T sau khi chị T và anh D ly hôn. Chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng các con, cháu Thảo V cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T. Anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Thảo V cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Nguyễn Thị Thảo V cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh D về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim T, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thế D.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 15/12/2013 cho chị Đỗ Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Đỗ Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Thế D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Đỗ Thị Kim T, anh Nguyễn Thế D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Đỗ Thị Kim T, anh Nguyễn Thế D có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Đỗ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0009667 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ^(1b) ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP^(2b) TC:8b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

